

REFORMING ASSESSMENT AND EVALUATION IN JAPANESE LANGUAGE TEACHING FOR INFORMATION TECHNOLOGY STUDENTS AT FPT UNIVERSITY THROUGH A SOCIAL CONSTRUCTIVIST APPROACH

Lai Xuan Thu

Email: thulx@fe.edu.vn

FPT University
Education Zone, Hoa Lac Hi-tech Park,
Km29 Thang Long Boulevard, Hoa Lac ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 25/8/2025

Revised: 08/9/2025

Accepted: 02/10/2025

Published: 25/12/2025

Abstract: Reforming assessment and evaluation in foreign language education, including Japanese, is particularly important for private universities in the context of international integration. Grounded in social constructivist theory, which emphasizes that knowledge is co-constructed through social interaction and learner collaboration, assessment needs to move beyond outcome-based testing to process-oriented approaches such as peer assessment and self-assessment. This study examined the current practices of Japanese language assessment for Information Technology students at FPT University by surveying 15 lecturers and 100 students. The findings show that both lecturers and students demonstrate readiness and positive attitudes toward social constructivist-oriented assessment. However, challenges remain, including students' limited awareness of the approach, the uneven capacity of some lecturers, and insufficient institutional support. Based on these results, the paper proposes practical solutions to strengthen the effectiveness of applying social constructivist theory in assessment and evaluation within Japanese language education at the tertiary level. In particular, the study identified three focal aspects of assessment reform, namely objectives, criteria, and formats.

Keywords: *Social constructivism, reform, Japanese, assessment, evaluation.*

ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC MÔN TIẾNG NHẬT CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT THEO TIẾP CẬN KIẾN TẠO XÃ HỘI

Lại Xuân Thu

Email: thulx@fe.edu.vn

Trường Đại học FPT
Khu Giáo dục và Đào tạo - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc,
Km29 Đại lộ Thăng Long, xã Hòa Lạc,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 25/8/2025

Chỉnh sửa xong: 08/9/2025

Chấp nhận đăng: 02/10/2025

Xuất bản: 25/12/2025

Tóm tắt: Đổi mới kiểm tra, đánh giá việc dạy học ngoại ngữ trong đó có tiếng Nhật theo tiếp cận kiến tạo xã hội là cần thiết đối với các trường đại học tư thục, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Theo lý thuyết này, tri thức được xây dựng thông qua sự tương tác xã hội và hợp tác giữa người học, đòi hỏi cách thức đánh giá phải phản ánh quá trình học tập, đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá. Thông qua việc lấy ý kiến khảo sát của 15 giảng viên và 100 sinh viên, bài viết làm rõ thực trạng kiểm tra, đánh giá việc học tập tiếng Nhật của sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học FPT. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng lý thuyết kiến tạo xã hội trong hoạt động kiểm tra, đánh giá. Nghiên cứu cho thấy, giảng viên và sinh viên có một thái độ sẵn sàng và tích cực đối với kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận kiến tạo xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn và tồn tại khi áp dụng lý thuyết này vào thực tế, nổi bật như nhận thức sinh viên chưa đầy đủ, năng lực một số giảng viên và hỗ trợ của nhà trường chưa đáp ứng. Đặc biệt, nghiên cứu đã chỉ ra ba khâu trọng tâm của đổi mới kiểm tra, đánh giá là mục tiêu, tiêu chí và hình thức.

Từ khóa: *Kiến tạo xã hội, đổi mới, tiếng Nhật, kiểm tra, đánh giá.*

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 71-NQ/TW ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: “Hệ thống giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phát triển mạnh mẽ, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, nhất là ở một số ngành, lĩnh vực trọng điểm”. Nghị quyết cũng chỉ đạo: “Giáo dục, đào tạo phải đảm bảo “học đi đôi với hành”, “Lí thuyết gắn liền với thực tiễn”, “Nhà trường gắn liền với xã hội”. Hệ thống giải pháp đề cập trong Nghị quyết cũng chỉ rõ “Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo”; “Tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy”. Để thực hiện thành công quan điểm chỉ đạo, cần tìm kiếm cách thức đổi mới kiểm tra, đánh giá ở mọi bậc học.

Lí thuyết dạy học kiến tạo xã hội bắt nguồn từ các nghiên cứu triết học và tâm lí học của Lev Vygotsky (1978). Theo ông, tri thức không được hiểu đơn giản là sự tiếp nhận một cách thụ động từ bên ngoài mà thực chất nó được kiến tạo thông qua quá trình tương tác xã hội và ngôn ngữ. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại ngày nay, quan điểm của ông được tiếp tục phát triển bởi nhiều học giả và được ứng dụng trong nhiều cấp học. Khi nghiên cứu dạy học ngoại ngữ, Swain (2000) cho rằng, việc sử dụng ngôn ngữ trong tương tác không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là công cụ để phát triển tư duy và năng lực ngôn ngữ.

Đổi mới phương pháp dạy học là một yêu cầu tất yếu khách quan, đòi hỏi đồng thời người dạy phải có nhận thức sâu sắc, không ngừng phát triển hoàn thiện bản thân, tích cực tham gia vào quá trình đổi mới và người học phải có trách nhiệm, thay đổi cách học của mình sao cho phù hợp với bậc học mà mình được đào tạo (Âu Đức Thắng và Hoàng Thanh Chung, 2016). Đồng thời, với đổi mới phương pháp dạy học là đổi mới kiểm tra, đánh giá - bước khẳng định chất lượng của toàn bộ quá trình dạy học.

Gipps (1999) đưa ra quan điểm rằng, việc đánh giá, kiểm tra không nên chỉ dừng lại ở việc đo lường kết quả cuối cùng của cá nhân mà cần xem xét toàn bộ quá trình học tập, sự tham gia và tương tác xã hội của họ. Jan McArthur (2023) lại hướng nghiên cứu của mình vào việc phân biệt giữa khái niệm “Real world” - nghĩa là người học sẽ làm cái gì đó bên ngoài lớp học, với “Vì sao làm” - tức là việc đó sẽ có

đóng góp gì cho xã hội, họ có cảm thấy việc học thực sự có ý nghĩa hay không. Ông cũng xem xét vì sao nhiệm vụ đó lại quan trọng với người học và xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, ngoại ngữ là công cụ then chốt. Ở Việt Nam, bên cạnh tiếng Anh, tiếng Nhật được sinh viên IT ưu tiên; Việt - Nhật hợp tác sâu rộng, Nhật Bản dự kiến thiếu khoảng 8.000 kĩ sư IT đến 2040 và chào đón nhân lực Việt có chuyên môn và năng lực Nhật ngữ cơ bản.

Tiếng Nhật là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo của Trường đại học FPT, là giải pháp quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nói trên. Việc giảng dạy và học tập tiếng Nhật tại đại học FPT không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức ngôn ngữ mà còn cần hướng đến phát triển các kĩ năng cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động quốc tế. Một trong những gợi ý đưa ra là áp dụng lí thuyết dạy học kiến tạo xã hội trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là vào hoạt động kiểm tra đánh giá sinh viên. Nghiên cứu này tập trung làm rõ các câu hỏi sau đây: 1/ Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc học tập tiếng Nhật của sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin tại trường đại học FPT như thế nào? 2/ Những khó khăn nào ảnh hưởng đến việc áp dụng lí thuyết kiến tạo xã hội trong kiểm tra đánh giá môn tiếng Nhật? 3/ Cần những giải pháp gì để thúc đẩy việc áp dụng hình thức kiểm tra đánh giá môn tiếng Nhật theo kiến tạo xã hội hiệu quả?

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu lí luận như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát... các tài liệu, sách chuyên khảo, công trình nghiên cứu liên quan đến tổ chức dạy học tiếng Nhật ở đại học và tiếp cận kiến tạo xã hội trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng, từ đó xây dựng khung lí luận của bài viết.

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn bằng việc kết hợp giữa điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát thu thập dữ liệu đa chiều. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu hoạt động nhằm quan sát các giờ học, phân tích việc áp dụng lí thuyết kiến tạo xã hội trong một học kì lên lớp môn tiếng Nhật để so sánh và đánh giá sự khác biệt so với trước đó.

Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu thứ cấp qua các số liệu thống kê, báo cáo chính thức từ cơ quan tổ chức uy tín, từ các đề tài nghiên cứu, báo cáo hội

thảo, bài viết khoa học có liên quan đến vấn đề lí thuyết, phương pháp giảng dạy hiện đại, lí thuyết dạy học kiến tạo xã hội, kiểm tra - đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ. Số lượng khách thể tham gia khảo sát đối với 15 giảng viên của bộ môn Ngôn ngữ Nhật và 100 sinh viên ngành IT tại đại học FPT. Thời gian tiến hành khảo sát từ tháng 4 năm 2025 đến hết tháng 6 năm 2025.

Sau khi thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp, tác giả tiến hành xử lí thông tin bằng các phương pháp thống kê mô tả. Dữ liệu được mã hóa, hệ thống, tổng hợp và biểu diễn bằng bảng biểu, biểu đồ để làm rõ thực trạng, quan điểm ý kiến của giảng viên và sinh viên ngành IT trong việc học tập và giảng dạy tiếng Nhật tại đại học FPT. Dữ liệu từ câu hỏi mở được xử lí bằng phương pháp phân tích nội dung theo chủ đề.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái quát về kiểm tra, đánh giá dạy học môn Tiếng Nhật cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin theo tiếp cận kiến tạo xã hội

Jean Piaget (1896 - 1983) được xem là tác giả đầu tiên nghiên cứu và phát triển tư tưởng kiến tạo một cách rõ ràng. Ông là người đặt nền móng cho tâm lí học, phát triển lí thuyết nhận thức. Nghiên cứu của ông nhấn mạnh rằng: “Những ý tưởng cần được người học tạo ra chứ không phải được tìm thấy như một viên đá hay nhận được từ người khác như một món quà”. Theo ông, các cấu trúc nhận thức không phải sinh ra từ bẩm sinh mà chúng có một quá trình hình thành và phát triển, được xây dựng thông qua cơ chế là đồng hóa, điều ứng và cân bằng.

Đồng hoá là sử dụng một cấu trúc sơ khai hiện có để xử lí với một đối tượng hay tình huống mới. Đồng hoá là việc vận dụng kiến thức, kĩ năng hiện có để xử lí thông tin mới. Điều tiết trong dạy học được hiểu là kiến thức hiện có không xử lí được sự việc và người học cần thay đổi nhận thức cũ để xử lí với một đối tượng hay tình huống mới. Cân bằng là lực đẩy sự phát triển đi tới, khi người học không muốn bị thất vọng họ sẽ đi tìm cách phục hồi sự cân bằng bằng việc làm chủ được thách thức mới, hệ thống kiến thức mới cho chính mình.

Theo Piaget (1975), quá trình đồng hoá và điều tiết đòi hỏi người học chủ động tham gia chứ không phải ngồi thụ động. Trong quá trình học tập trên lớp, các kĩ năng giải quyết vấn đề không thể chỉ học qua lời giảng của người dạy mà phải được người học tự chủ động tìm tòi, khám phá ra. Vai trò của người

dạy lúc này không phải là dạy trực tiếp, rao giảng các kiến thức một cách máy móc mà là tạo điều kiện để người học có thể học được, tự tiếp nhận kiến thức, tự lãnh hội tri thức. Vì vậy, người dạy cần đặt trọng tâm vào một số các vấn đề sau: 1) Chú trọng vào quá trình học chứ không chỉ vào kết quả học; 2) Sử dụng các phương pháp học chủ động, đòi hỏi học sinh tự khám phá và xây dựng lại những kiến thức đúng đắn; 3) Tổ chức các hoạt động học tập cả nhóm và cá nhân để học sinh có thể học hỏi lẫn nhau; 4) Đánh giá mức độ phát triển của trẻ để đưa ra những nhiệm vụ phù hợp với từng em.

Lí thuyết kiến tạo xã hội tiếp tục được phát triển và nổi bật nhất là nghiên cứu của Lev Vygotsky (1896-1934) - nhà tâm lí học có ảnh hưởng lớn nhất thế kỉ XX, đặc biệt trong lĩnh vực tâm lí học giáo dục. Học thuyết của Vygotsky (1978) tập trung vào vai trò nền tảng của tương tác xã hội đối với sự phát triển nhận thức do ông có niềm tin mạnh mẽ rằng, cộng đồng đóng vai trò trung tâm trong tiến trình “hình thành nghĩa”.

Vygotsky đặt nhiều quan tâm đến việc văn hóa ảnh hưởng/định hình đến sự phát triển nhận thức. Nhà nghiên cứu này cho rằng, sự phát triển trí tuệ của con người có sự khác biệt tùy theo văn hóa, đồng thời nhấn mạnh vai trò của các yếu tố xã hội trong việc hình thành nhận thức. Theo ông, phát triển nhận thức bắt nguồn từ tương tác xã hội, đặc biệt qua vùng phát triển gần nhất với sự hỗ trợ từ người khác. Đối với Vygotsky, môi trường sống của trẻ sẽ ảnh hưởng đến cách trẻ suy nghĩ và nội dung suy nghĩ của trẻ. Thông qua quá trình học tập liên tục, trẻ sẽ dần chiếm lĩnh được vùng phát triển gần nhất và biến nó trở thành vùng hoạt động hiện tại của mình, vùng phát triển gần nhất mới sẽ xuất hiện. Bên cạnh đó, Vygotsky cũng nhấn mạnh rằng, nếu được đặt trong một môi trường có sự kích thích tốt thì trẻ hoàn toàn có thể đạt tới một giai đoạn nhận thức nhanh hơn, hiệu quả hơn.

Ông cũng cho rằng, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển nhận thức và ngay từ khi mới sinh, tư duy và ngôn ngữ là hai hệ thống riêng biệt. Tựu chung lại thì Vygotsky nhấn mạnh rằng, có ba yếu tố sẽ ảnh hưởng đến việc kiến tạo tri thức của cá nhân đó là văn hóa, ngôn ngữ và các điều kiện tương tác xã hội, sự ảnh hưởng này cần đặt trong mối quan hệ tương tác giữa người dạy-người học, người học với nhau.

Azfar Khalid và cộng sự (2023) đã hướng nghiên

cứu của mình vào áp dụng kiến tạo xã hội trong giáo dục kỹ thuật, xem xét tính khả thi, tính chi phí, nhằm hướng tới mục tiêu là làm cho giáo dục trở nên bao trùm và có tính kết nối xã hội cao hơn trong môi trường đại học. Revati N (2024) lại tập trung phân tích về mối quan hệ giữa môi trường xã hội, công nghệ và giáo dục khoa học. Tác giả cũng nhắc đến việc xây dựng các phương pháp giúp học sinh tham gia nhiều hơn và đạt kết quả học tập tốt hơn trong môi trường số.

Tại Việt Nam, Nguyễn Hữu Châu (2012) trong một bài viết của mình đã phát biểu rằng, quan điểm kiến tạo trong dạy học nên được hiểu là: “Lí thuyết dạy học khuyến khích học sinh tự xây dựng kiến thức cho mình dựa trên những kinh nghiệm cá nhân và áp dụng trong các bối cảnh học tập”. Ông nhấn mạnh rằng, học sinh phải là chủ thể còn giáo viên là người hướng dẫn. Học sinh cần phải được tham gia vào các hoạt động trí tuệ, trao đổi - giao tiếp, hợp tác với cộng đồng học tập để kiến tạo tri thức xã hội. Như vậy, việc dạy học theo lí thuyết kiến tạo với môn Tiếng Nhật cần được thực hiện dựa trên sự mô phỏng bối cảnh học tập với các yếu tố tích hợp về văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử, xã hội... nơi ngôn ngữ này được hình thành và phát triển là Nhật Bản.

Quan điểm dạy học của lí thuyết kiến tạo xã hội áp dụng trong dạy học tiếng Nhật nhìn chung được thể hiện qua 4 phương diện:

Thứ nhất, tri thức được kiến tạo một cách tích cực bởi chủ thể nhận thức, không phải tiếp thu một cách thụ động từ môi trường bên ngoài.

Thứ hai, nhận thức là một quá trình thích nghi, tái tạo lại tri thức của nhân loại cho chính bản thân mình được diễn ra trong môi trường đặc biệt, có sự hướng dẫn của người thầy.

Thứ ba, học là một quá trình mang tính xã hội, trẻ em phải tự hòa mình vào các hoạt động trí tuệ của những người xung quanh.

Thứ tư, những tri thức mới của mỗi cá nhân nhận được từ việc điều chỉnh lại thế giới quan của họ. Thế giới quan đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu mà tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra (Nguyễn Hồng Giang, 2023).

Kiểm tra đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội trong dạy học Tiếng Nhật sẽ được thể hiện qua 3 phương diện: 1) Mục tiêu là đánh giá quá trình học, tính tương tác, hợp tác và ý nghĩa kiến thức xây dựng được của sinh viên; 2) Thiết kế tiêu chí đánh giá phù hợp; 3) Chọn hình thức kiểm tra đánh giá sinh viên đa dạng, linh hoạt

3.2. Thực trạng đổi mới kiểm tra đánh giá dạy học môn tiếng Nhật cho sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin Trường Đại học FPT theo tiếp cận kiến tạo xã hội

a. Thực trạng xác định và thực hiện mục tiêu đánh giá, kiểm tra

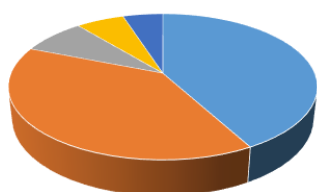
Trong cuộc khảo sát được thực hiện tại Trường Đại học FPT, khi được hỏi về lí thuyết kiến tạo xã hội có tới 73% số giảng viên thừa nhận không hiểu tường tận mặc dù trong hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá có áp dụng. Tuy nhiên, khoảng 80% số giảng viên lại bày tỏ sẵn sàng tìm hiểu và áp dụng lí thuyết kiến tạo xã hội vào hoạt động kiểm tra đánh giá sinh viên. Hầu hết các giảng viên đồng ý rằng, mục tiêu đánh giá kiểm tra theo lí thuyết kiến tạo xã hội không chỉ khác biệt mà dường như còn công bằng và tạo hứng khởi trong học tập của sinh viên.

Trong hình thức truyền thống, mục tiêu chủ yếu là đo lường kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ, phân loại bằng điểm số và chứng chỉ. Những mục tiêu này được các giảng viên đánh giá thiếu mới mẻ, đột phá, cứng nhắc, không khơi gợi, kích thích học tập từ sinh viên. Về phía sinh viên, 68% số sinh viên tỏ ra thờ ơ, không mấy quan tâm đến mục tiêu kiểm tra đánh giá này, họ nói rằng môn ngoại ngữ nào cũng có mục tiêu như nhau cả và cũng không dễ để thực hiện. 76% số sinh viên nói rằng, họ cảm thấy áp lực khi nhìn vào các mục tiêu kiểu truyền thống của bộ môn, thậm chí cảm xúc bị hạ thấp khi nghe giảng viên trao đổi về mục tiêu.

Mục tiêu kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội sẽ tập trung vào quá trình học tập, khả năng xây dựng và áp dụng kiến thức, sự hợp tác và tư duy phản biện của sinh viên. Những đánh giá cuối cùng phải được đưa ra sau khi giảng viên quan sát được cả quá trình học tập tiếng Nhật của sinh viên bao gồm cả biểu hiện, sự nỗ lực, tính sáng tạo, thái độ với môn học chứ không chỉ là điểm số. Sinh viên cần phải biết hệ thống hoá kiến thức và từ đó tìm ra kiến thức mới cho riêng mình, sử dụng kiến thức tiếp nhận được để giải quyết các vấn đề thực tế. Các kĩ năng lúc này phải thu được là hợp tác với người khác để làm việc nhóm hiệu quả, biết giao tiếp, trình bày, bảo vệ quan điểm cá nhân và phân tích được ý kiến của người khác. Đặc biệt, các sinh viên phải có được kĩ năng tự học, tự đánh giá để biết được điểm mạnh - điểm yếu của bản thân từ đó cải thiện việc học tập tiếng Nhật của mình. 100% số giảng viên đồng ý rằng, mục tiêu kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội là công bằng, toàn diện và tạo hứng khởi cho sinh viên

hơn. 85% số giảng viên nói rằng đối diện với các mục tiêu này, họ sẽ phải mất nhiều thời gian, công sức để đồng hành cùng sinh viên. Nhưng cũng có 80% số giảng viên nói rằng, họ không ngại để thử thách và cũng luôn đề cao trách nhiệm đồng hành, hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên trong việc thực hiện mục tiêu.

Đối với sinh viên, cuộc khảo sát cho thấy có đến 82% số sinh viên đồng tình với mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội. 74% số sinh viên nói rằng, mục tiêu này cho họ cơ hội để phát triển năng lực bản thân hơn. 78% số sinh viên nói rằng, đánh giá, kiểm tra như thế mới công bằng. 87% số sinh viên ủng hộ việc thay đổi mục tiêu sớm. 72% số sinh viên đồng ý rằng, việc thực hiện mục tiêu kiểu mới sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong việc thay đổi nhận thức, thái độ và phương pháp học nhưng có tới gần 81% số sinh viên sẵn sàng thử thách ngay.



■ Rất đồng ý ■ Đồng ý ■ Bình thường ■ Không đồng ý ■ Rất không đồng ý

Biểu đồ 1: Ý kiến sinh viên về mức độ sẵn sàng thực hiện mục tiêu theo lí thuyết kiến tạo xã hội

b. Thực trạng xây dựng và vận dụng các các tiêu chí kiểm tra, đánh giá

Bảng 1: Bảng so sánh về tiêu chí kiểm tra, đánh giá

Tiêu chí	Kiểu truyền thống	Theo lí thuyết kiến tạo xã hội
Kiến thức	Nhớ được từ vựng, các kiểu cấu trúc ngữ pháp, chữ Hán, hiểu nghĩa câu/đoạn văn.	Vận dụng kiến thức tiếp nhận được vào xử lí tình huống xảy ra trong thực tế, liên hệ lí thuyết với trải nghiệm thực tiễn.
Kĩ năng	Đọc/hiểu: văn bản, viết câu/đoạn văn, nói: phát âm/hội thoại, nghe hiểu nắm thông tin qua các hội thoại hoặc đoạn tin tức qua băng/đĩa.	Hợp tác với giảng viên và bạn học, có tư duy phản biện tốt, giao tiếp tiếng Nhật lưu loát, trình bày vấn đề rõ ràng, tự học và biết xây dựng kế hoạch, sử dụng các phương pháp cải thiện quá trình học tập.
Thái độ	Chấp hành nội quy lớp học, nghe và ghi chép bài học theo yêu cầu của giảng viên, nộp bài đầy đủ và đúng hạn, tôn trọng giảng viên.	Chủ động tích cực tham gia trong giờ học, tôn trọng ý kiến của người khác, sáng tạo, linh hoạt trong học tập.
Tập trung đánh giá	Kết quả cuối cùng, điểm số bài kiểm tra và bài thi, đúng/sai trong bài tập/kiểm tra/thi.	Quá trình học tập, mức độ đóng góp trong công việc chung của nhóm, phát triển năng lực bản thân, phản hồi đối tác và cải thiện kết quả học tập.

Quá trình áp dụng các tiêu chí trong kiểm tra, đánh giá theo hướng kiến tạo xã hội ở các lớp dạy tiếng Nhật cho sinh viên chuyên ngành IT đã được các giảng viên ghi chép lại đầy đủ theo tuần qua một kì học. Kết quả ghi chép lại cho thấy, sinh viên không hề cảm thấy mệt mỏi, chán nản hay có thái độ chống đối mà ngược lại họ tỏ ra khá thoải mái trong việc thực hiện các tiêu chí theo yêu cầu của giảng viên. 80% số giảng viên cảm thấy hạnh phúc và hài lòng khi nhìn vào kết quả này. 78% số sinh viên thừa nhận họ có nhận thấy sự thay đổi trong tiêu chí kiểm tra, đánh giá của thầy/cô giảng dạy nhưng họ thấy điểm tích cực nên không ngại làm theo yêu cầu.

90% số giảng viên nói rằng, các tiêu chí theo lí thuyết kiến tạo xã hội sẽ cho họ nhiều cơ hội hơn trong việc kiểm tra, đánh giá, giải phóng họ khỏi sự cứng nhắc mà đôi khi có thể gây thiệt thòi cho sinh viên. 80% số giảng viên nhận thấy việc triển khai các tiêu chí này không gặp quá nhiều khó khăn, mong muốn sớm áp dụng các tiêu chí đánh giá mới này trên diện rộng. 70% số sinh viên tỏ ra tin tưởng và mong muốn được đánh giá, kiểm tra theo tiêu chí mới sớm.

c. Thực trạng sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá

Trước đây bộ môn tiếng Nhật thực hiện kiểm tra đánh giá thông qua ba đầu điểm bao gồm: 1) Điểm chuyên cần tính bằng số buổi đi học đầy đủ và đúng giờ, trên lớp sinh viên không vi phạm nội quy; 2) Bài tập về nhà nộp đủ và đúng theo thời gian yêu cầu; 3) Bài kiểm tra giữa kì và cuối kì: có thể thực hiện bằng hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm chọn đáp án, thi vấn đáp hoặc kết hợp chúng lại.

Bảng 2: Mức độ sẵn sàng và hài lòng của giảng viên khi thực hiện kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội

Câu hỏi khảo sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tôi hiểu rõ về hoạt động kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội.	3.61	0.72
Tôi sẵn sàng tìm hiểu sâu về hoạt động kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội.	3.7	0.45
Tôi thoải mái khi triển khai các tiêu chí kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội.	3.5	0.53
Tôi sẵn sàng triển khai các tiêu chí kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội sớm và trên diện rộng hơn.	3.6	0.48
Tôi có quan ngại rằng, thực hiện các hình thức kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội sẽ không dễ dàng khi mới bắt đầu.	3.7	0.73
Tôi hài lòng với việc thực hiện thực hiện các hình thức kiểm tra đánh giá theo kiến tạo xã hội trong thực tế.	5.0	0.4

90% số giảng viên nói rằng, hình thức kiểm tra, đánh giá truyền thống dễ thao tác, thực hiện tuy nhiên không giúp sinh viên có được tư duy phản biện và sự sáng tạo. Bên cạnh đó kiểu truyền thống này cũng không nhận được sự hợp tác thực sự của sinh viên, thay vào đó chỉ là sự đối phó trong chất lượng bài vở. 82% số sinh viên đồng ý rằng, hình thức đánh giá truyền thống làm động lực học tập của họ bị giảm sút. 77% số sinh viên cảm thấy áp lực với kiểu kiểm tra, đánh giá truyền thống và nói rằng, kết quả thi cử không cao một phần lớn do sự cứng nhắc trong cách thức kiểm tra, đánh giá này. 55% số giảng viên nói rằng, khi thực hiện hình thức vấn đáp trong coi thi tiếng Nhật, họ đã bắt buộc phải giảm nhẹ mức độ yêu cầu đối với sinh viên để giúp sinh viên thoải mái hơn, mặc dù như thế là sai quy tắc và không đảm bảo được sự công bằng. 71% số sinh viên cảm thấy tự ti khi thi vấn đáp, nhiều người trong số đó còn có cảm xúc tiêu cực, sợ hãi. Hầu hết sinh viên thích hình thức thi trắc nghiệm vì dễ học và nhanh chóng về mặt thời gian.

Khi áp dụng kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội giảng viên cần thực hiện một số các hình thức sau: 1) Đánh giá thông qua thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc nhóm, trình bày vấn đề, giải quyết câu hỏi phát vấn của giảng viên. Giảng viên quan sát, đánh giá sự hợp tác của sinh viên, khả năng trình bày và phản biện của họ; 2) Đánh giá dự án: Sinh viên thực hiện các dự án cá nhân hoặc nhóm, giảng viên sẽ theo dõi quá trình và kết quả cuối cùng thu được sau khi hoàn thành dự án; 3) Đánh giá đồng đẳng: Giảng viên để cho các sinh viên tự đánh giá nhau khi làm việc nhóm; 4) Tự đánh giá: sinh viên tự đánh giá về mình; 5) Đánh giá qua tình huống:

Giảng viên đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để xử lí các tình huống thực tiễn của sinh viên.

100% số giảng viên trước khi áp dụng cách thức kiểm tra, đánh giá mới này đã nói rằng họ hài lòng với cách thức kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội. Độ lệch chuẩn là 0.4 cho thấy mức độ khá đồng đều về ý kiến trong nhóm đối tượng khảo sát. Tuy nhiên, khi bắt đầu triển khai trong thực tế 76% số giảng viên quan ngại rằng, việc thực hiện cách thức kiểm tra, đánh giá theo lí thuyết kiến tạo xã hội là không hề dễ dàng, đòi hỏi nhận thức và hợp tác từ phía sinh viên, sự hỗ trợ từ nhà trường về mặt không gian, thời gian và cơ sở vật chất hạ tầng. Mặc dù điểm trung bình là 3.7 nhưng độ lệch chuẩn là 0.73 cho thấy mức độ không đồng đều về ý kiến giữa các đối tượng khảo sát. Thực tế sau một kì học, 76% số giảng viên nói rằng, các sinh viên trong lớp của họ tỏ ra hào hứng hơn trong các giờ học tiếng Nhật. 72% số giảng viên nói rằng, kết quả học tập tiếng Nhật của sinh viên lớp họ được cải thiện, sinh viên chịu khó giao tiếp và sẵn sàng chia sẻ hơn. 70% số giảng viên đồng ý rằng hiệu quả học tập tiếng Nhật của sinh viên tăng lên.

Về phía sinh viên, kết quả điều tra khảo sát cho thấy 68% số sinh viên thấy cảm xúc học tập được tăng lên, họ muốn đến lớp và tham gia tích cực hơn. 72% số sinh viên cảm thấy hưng phấn trong học tập, hợp tác và phát triển năng lực đều tăng lên. 76% số sinh viên đồng ý rằng, cách thức kiểm tra đánh giá mới khiến họ hài lòng hơn. Một số sinh viên cũng bày tỏ sự lo lắng về việc hợp tác, hoà nhập khi họ là những người hướng nội, tự ti trong giao tiếp. Do đó, giảng viên cần phải có sự quan sát và đánh giá tỉ mỉ về các cá nhân trong lớp để có sự hỗ trợ kịp thời và hợp lí.

Một số ít khác lại bày tỏ sự khó chịu khi không phải môn chuyên ngành nhưng dường như giảng viên lại đòi hỏi ở họ quá nhiều. Giảng viên cần phải trao đổi để sinh viên hiểu và nhận thức được vai trò của tiếng Nhật với chuyên ngành của họ và những lợi ích mà sinh viên nhận được khi áp dụng lý thuyết kiến tạo xã hội trong hoạt động kiểm tra, đánh giá.

3.3. Những điểm đổi mới trong kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận kiến tạo xã hội

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Nhật theo tiếp cận kiến tạo xã hội được thể hiện rõ ở các giai đoạn sau:

Thứ nhất, giai đoạn xác định mục tiêu đánh giá. Trước đây, mục tiêu chủ yếu dừng lại ở việc đo lường kiến thức ngôn ngữ và phân loại sinh viên qua điểm số. Nay, mục tiêu được chuyển hướng sang đánh giá cả quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, năng lực hợp tác, tư duy phản biện và kỹ năng tự học, tự đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy, 82% sinh viên đồng tình với mục tiêu mới, trong khi 100% giảng viên đánh giá đây là định hướng công bằng và toàn diện hơn. Đánh giá không nên chỉ dừng ở kết quả cuối cùng mà cần phản ánh toàn bộ quá trình học tập và sự tham gia xã hội (Gripps 1999).

Thứ hai, giai đoạn xây dựng tiêu chí đánh giá. Các tiêu chí không còn thuần túy dựa trên kết quả cuối cùng mà được thiết kế đa chiều: khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, mức độ đóng góp trong hoạt động nhóm, thái độ học tập, sự sáng tạo và tính chủ động. 90% giảng viên được khảo sát đồng ý rằng, bộ tiêu chí mới giúp họ linh hoạt hơn và hạn chế sự cứng nhắc của hình thức truyền thống. Đánh giá cần gắn với ý nghĩa xã hội và sự phát triển năng lực toàn diện của người học (McArthur 2023).

Thứ ba, giai đoạn lựa chọn và triển khai hình thức đánh giá. Thay vì chỉ sử dụng các bài thi viết, trắc nghiệm hoặc vấn đáp, giảng viên đã áp dụng nhiều hình thức mới như thảo luận nhóm, đánh giá dự án, đánh giá đồng đẳng, tự đánh giá và xử lý tình huống thực tiễn. 76% giảng viên ghi nhận sinh viên hào hứng hơn và 72% cho rằng, kết quả học tập được cải thiện rõ rệt sau một học kỳ triển khai. Những đổi mới này phù hợp với định hướng về vai trò trung tâm của tương tác xã hội trong phát triển nhận thức (Vygotsky 1978), cũng như khẳng định việc áp dụng kiến tạo xã hội giúp tăng tính bao trùm và kết nối trong giáo dục đại học (Khalid et al 2023).

Tóm lại, việc đổi mới kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận kiến tạo xã hội được tiến hành đồng bộ ở cả ba giai đoạn: mục tiêu, tiêu chí và hình thức. Điều này

cho thấy, kiểm tra, đánh giá không chỉ nhằm phân loại kết quả học tập mà còn hướng đến phát triển toàn diện năng lực, thái độ và kỹ năng hợp tác của sinh viên.

3.4. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá dạy học tiếng Nhật cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học FPT

Thứ nhất, cần thiết kế hình thức kiểm tra - đánh giá đa dạng: Bên cạnh việc xây dựng bộ tình huống nghề nghiệp, bộ môn tiếng Nhật nên định kỳ tổ chức các buổi đi thực tập tại cơ sở để sinh viên có cơ hội vận dụng kiến thức tiếng Nhật vào thực tiễn, xử lý các tình huống thực tế trong công việc. Cần tích hợp dự án nhóm, sử dụng công nghệ số để hỗ trợ hợp tác học tập. Sử dụng nền tảng học trực tuyến, diễn đàn thảo luận, công cụ quản lý dự án để theo dõi quá trình học tập và tương tác.

Thứ hai, nâng cao năng lực giảng viên: Nhà trường và bộ môn cần tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên về dạy học kiến tạo xã hội, kỹ năng thiết kế rubric đánh giá hợp tác. Điều này có thể thực hiện thông qua việc mời các chuyên gia về trao đổi hoặc cử các giảng viên tham gia các khóa học chuyên sâu. Tổ chức thường xuyên các buổi hội thảo từ cấp trường đến cấp quốc gia về vấn đề áp dụng lý thuyết kiến tạo xã hội trong hoạt động giảng dạy tiếng Nhật. Bản thân các cá nhân cũng cần không ngừng học hỏi trau dồi thêm kiến thức về vấn đề này, chủ động triển khai và trao đổi chia sẻ với nhau để đúc rút kinh nghiệm.

Thứ ba, tăng cường môi trường học tập cộng tác: Tạo không gian trao đổi Nhật ngữ trực tuyến, nhóm học tập liên ngành giữa sinh viên ngành công nghệ thông tin và ngôn ngữ Nhật Bản. Việc học tập từ bạn bè sẽ đem lại những hiệu quả nhất định, sự cạnh tranh sẽ thúc đẩy các cá nhân nỗ lực phát triển hơn. Trong thế giới mà công nghệ chi phối mọi lúc mọi nơi thì việc tạo các không gian mạng cho học tập tiếng Nhật đối với sinh viên IT trở nên cần thiết, đem lại những lợi ích không thể phủ nhận như tương tác dễ dàng, phản hồi nhanh chóng, tiết kiệm chi phí và thời gian.

Thứ tư, xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ hoạt động kiểm tra, đánh giá dạy học môn Tiếng Nhật theo tiếp cận kiến tạo xã hội: Nhà trường cần điều chỉnh quy định kiểm tra - đánh giá định kỳ để phù hợp với tình hình thực tế, xây dựng một môi trường học tập cởi mở, thoải mái, khuyến khích sinh viên tham gia. Nhà trường cũng cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp Nhật nhằm phản ánh đúng nhu

cầu thực tế tuyển dụng, cơ hội việc làm. Bên cạnh đó, nhà trường cần hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng đảm bảo cho không gian học tập được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của việc dạy và học tiếng Nhật.

4. Kết luận

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lí luận của tiếp cận kiến tạo xã hội trong kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Nhật và khảo sát thực tiễn tại Trường Đại học FPT (15 giảng viên, 100 sinh viên). Kết quả cho thấy mức độ sẵn sàng và thái độ tích cực của cả giảng viên và sinh viên đối với đổi mới, đồng thời chỉ ra những thách thức còn tồn tại (nhận thức của sinh viên, năng lực không đồng đều của giảng viên và nhu cầu hỗ trợ thể chế). Đóng góp trọng tâm của nghiên cứu là xác định ba khâu đổi mới cốt lõi của kiểm tra, đánh giá:

1) Mục tiêu - chuyển từ đo lường kết quả sang nhấn mạnh quá trình, hợp tác và tự học; 2/ Tiêu chí - thiết kế đa chiều, coi trọng vận dụng, đóng góp nhóm, thái độ và sáng tạo; 3) Hình thức - mở rộng sang thảo luận nhóm, dự án, đồng đẳng, tự đánh giá và tình huống thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất nhóm giải pháp khả thi: đa dạng hóa hình thức đánh giá gắn bối cảnh nghề nghiệp, bồi dưỡng năng lực giảng viên (thiết kế rubric, vận hành đánh giá quá trình), tăng cường môi trường học tập cộng tác (trực tiếp và số) và điều chỉnh chính sách - cơ sở vật chất để bảo đảm triển khai bền vững. Nghiên cứu vì thế vừa bổ sung bằng chứng thực nghiệm, vừa định vị khung đổi mới theo ba khâu như một lộ trình áp dụng cho các cơ sở đào tạo tương tự.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Swain, M. (2000). The output hypothesis and beyond: Mediating acquisition through collaborative dialogue. In J. P. Lantolf (Ed.), *Sociocultural theory and second language learning*, pp.97-114. Oxford University Press.
- Âu Đức Thắng, Hoàng Thanh Chung. (2017). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đổi mới phương pháp dạy - học bậc đại học ở Học viện Hậu Cần. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, 136, tr.105-108.
- Gipps, C. (1999). Socio-cultural aspects of assessment. *Review of Research in Education*, 24(1), pp.355-392.
- Khalid, A., Kazim, T., Diaz, K. R. V. & Iqbal, J. (2023). Breaking barriers in higher education: Implementation of cost-effective social constructivism in engineering education. *Science for the People*, 30(3), pp.1-15.
- McArthur, J. (2023). Rethinking authentic assessment: Work, well-being, and society. *Higher Education*, 86(4), pp.735-749.
- Nguyễn Hồng Giang (2023). Lí thuyết kiến tạo trong dạy học. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, 2 (283), tr.28-30.
- Nguyễn Hữu Châu (2012). Quan điểm kiến tạo trong dạy học, *Tạp chí Tâm lí học*, 6 (137), tr.18-25.
- Piaget, J. (1975). *The equilibration of cognitive structures: The central problem of intellectual development*. University of Chicago Press.
- Revati, N. (2024). Integrating constructivism, science education, and technology. *International Journal for Research in Applied Science and Engineering Technology (IJRASET)*, 12(5), pp.2707-2712.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes* (M. Cole, V. John-Steiner, S. Scribner & E. Souberman, Eds.). Harvard University Press.